

Bảng Ma trận đề kiểm tra Cuối HKII môn Toán

LỚP 3

Mạch kiến thức, kĩ năng	Số câu và số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		Tổng	
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
Số học: Tìm số liền sau của một số, so sánh số có bốn hoặc năm chữ số; phép cộng, phép trừ có nhớ không liên tiếp và không quá hai lần trong phạm vi 10 000 và 100 000; Nhân, chia số có bốn chữ số với (cho) số có một chữ số.	Số câu	1	1	1	1		1		1	2	4
	Câu số	1	3	6	4		7		10		
	Số điểm	1,0	1,0	1,0	1,0		1,0		1,0	2,0	4,0
Đại lượng và đo đại lượng: Đổi các đơn vị đo độ dài; biết đơn vị đo diện tích (cm ²); ngày, nhận biết một số loại tiền Việt Nam.	Số câu			1						1	
	Câu số			5							
	Số điểm			1,0						1,0	
Yếu tố hình học: hình chữ nhật, hình vuông, chu vi, diện tích.	Số câu	1				1				2	
	Câu số	2				9					
	Số điểm	1,0				1,0				2,0	
Giải bài toán bằng hai phép tính liên quan đến rút về đơn vị.	Số câu						1				1
	Câu số						8				
	Số điểm						1,0				1,0
Tổng	Số câu	2	1	2	1	1	2		1	5	5
	Số điểm	2,0	1,0	2,0	1,0	1,0	2,0		1,0	5,0	5,0

Trường Tiểu

Lớp Ba

Họ tên học

sinh:.....

KIỂM TRA CUỐI NĂM
MÔN: TOÁN- LỚP
NĂM HỌC: 2021 - 2022
 Thời gian: 40 phút (không kể phát
 Ngày tháng 5 năm 2022

Giáo viên coi thi (Ký ghi rõ họ tên)	Điểm	Nhận xét của giáo viên chấm thi (Ký ghi rõ họ tên)
1.....		
2.....		

Đề bài:

1. Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng. (1 điểm)

a) Số liền trước của số **80 419** là số:

- A. 80 418 B. 80 320
 C. 80 429 D. 80 410

b) Số liền sau của số **63 399** là số:

- A. 63 398 B. 63 400
 C. 63 301 D. 63 300

2. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng. (1 điểm)

a) Hình chữ nhật có chiều dài 8cm, chiều rộng 6cm. Chu vi hình chữ nhật đó là:

- A. 14 cm B. 16 cm
 C. 28 cm D. 38 cm

b) Hình vuông có cạnh 8cm. Diện tích hình vuông đó là:

- A. 12 cm² B. 64 cm²
 C. 32 cm² D. 60 cm²

3. Số ? (1 điểm)

a) 52 639; 52 640; 52 641 ; ; ;

b) 45 300; 45 400; ; ; 45 700 ;

4. Đặt tính rồi tính: (1 điểm)

a) 56727 + 24105

b) 94852 - 77539

.....

5. Điền : >; <; = (1 điểm)

a) 15dm4cm 20cm

b) 1 giờ 15 phút 75 phút

c) 1dm 9cm

d) 1kg 999g

6. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng. (1 điểm)

a) Biểu thức $2 + 18 \times 5$ có giá trị là:

A. 28

B. 92

C. 100

D. 126

b) Biểu thức $160 : 4 \times 2$ có giá trị là:

A. 80

B. 60

C. 40

D. 20

7. Viết vào chỗ chấm: (1 điểm)

Hãy viết các số II, VI, V, VII, IV, IX.

Theo thứ tự từ bé đến lớn:.....

b) Theo thứ tự lớn bé đến bé:.....

8. Bài toán: (1 điểm)

Có 40kg đường đựng đều trong 8 túi. Hỏi 15kg đường đựng trong bao nhiêu túi?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

9. Viết phép tính và kết quả vào chỗ chấm cho thích hợp: (1 điểm)

Một bức tranh hình chữ nhật có chiều rộng 8cm. Chiều dài gấp đôi chiều rộng. Tính diện tích bức tranh đó?

Trả lời: Chiều dài bức tranh đó là:

Diện tích bức tranh đó là:

10. Có 9638m vải, may mỗi bộ quần hết 3m. Hỏi có thể may được tất cả bao nhiêu bộ quần áo và còn thừa mấy mét vải?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TRƯỜNG TIỂU HỌC

HƯỚNG DẪN CHẤM TOÁN – LỚP 3 – CUỐI NĂM NĂM HỌC 2021 – 2022

1. Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng. (1 đ) *mỗi câu đúng đạt 0,5 điểm*

a) Số liền trước của số **80 419** là số:

A. 80 418

b) Số liền sau của số **63 399**

B. 63 400

2. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng. (1 điểm) *mỗi câu đúng đạt 0,5 điểm*

a) Hình chữ nhật có chiều dài 8cm, chiều rộng 6cm. Chu vi hình chữ nhật đó là:

C. 28 cm

b) Hình vuông có cạnh 8cm. Diện tích hình vuông đó là:

B. 64 cm^2

3. Số ? (1 điểm) *mỗi câu đúng đạt 0,5 điểm*

a) 52 639; 52 640; 52 641 ; **52 642** ; **52 643** ; **52 644**.

b) 45 300; 45 400; **45 500** ; 45 600; **45 700** ; **45 800**

4. Đặt tính rồi tính: (1 điểm) *mỗi câu đúng đạt 0,5 điểm, đặt tính đúng đạt 0,25 điểm*

a) $56727 + 24105$

$$\begin{array}{r} 56727 \\ + \\ 24105 \\ \hline 80832 \end{array}$$

b) $94852 - 77539$

$$\begin{array}{r} 94852 \\ - \\ 77539 \\ \hline 17313 \end{array}$$

5. Điền : >; <; = (1 điểm) *mỗi câu đúng đạt 0,25 điểm*

a) 15dm4cm < 20cm

b) 1 giờ 15 phút = 75 phút

c) 1dm > 9cm

d) 1kg > 999g

6. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng. (1 điểm) *mỗi câu đúng đạt 0,5 điểm*

a) Biểu thức $2 + 18 \times 5$ có giá trị là:

B. 92

b) Biểu thức $160 : 4 \times 2$ có giá trị là:

A. 80

7. Viết vào chỗ chấm: (1 điểm) *mỗi câu đúng đạt 0,5 điểm*

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn: **II, IV, V, VI, VII, IX.**

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé: **IX, VII, VI, V, IV, II.**

8. Bài toán: (1 điểm)

Có 40kg đường đựng đều trong 8 túi. Hỏi 15kg đường đựng trong bao nhiêu túi?

Bài giải

Số kg đường đựng trong 1 túi là : (0,25 điểm)

$40 : 8 = 5 \text{ (kg)}$ (0,25 điểm)

Số túi đựng hết 15 kg đường là: (0,25 điểm)

$15 : 5 = 3 \text{ (túi)}$ (0,25 điểm)

Đáp số : 3 túi đường.

9. Viết phép tính và kết quả vào chỗ chấm cho thích hợp: (1 điểm)

mỗi câu đúng đạt 0,5 điểm

Một bức tranh hình chữ nhật có chiều rộng 8cm. Chiều dài gấp đôi chiều rộng. Tính diện tích bức tranh đó?

Trả lời: Chiều dài bức tranh đó là: $8 \times 2 = 16 \text{ (cm)}$

Diện tích bức tranh đó là: $16 \times 8 = 124 \text{ (cm}^2\text{)}$

10. Có 9638m vải, may mỗi bộ quần hết 3m. Hỏi có thể may được tất cả bao nhiêu bộ quần áo và còn thừa mấy mét vải?

Bài giải

Thực hiện phép chia:

$9638 : 3 = 3212 \text{ (dư 2)}$ (0.5 điểm)

Vậy may được nhiều nhất 3212 bộ quần áo và còn thừa 2m vải. (0.5 điểm)

Đáp số : 3212 bộ quần áo, thừa 2 mét vải